

Số: /BC-KCN

Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2022

I. Giới thiệu chung

Tên: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ liên hệ: Số 02 đường Thanh Niên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0220 3849457

II. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Hiện trạng, diễn biến và các vấn đề môi trường

a) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy; chất lượng môi trường không khí, đất, nước

a1) Tổng diện tích đất, đất công nghiệp, cây xanh; tỷ lệ lấp đầy

Tỉnh Hải Dương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp (KCN) vào Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam gồm 21 KCN và 03 KCN mở rộng, với tổng quy mô diện tích khoảng 4.508ha (tại các Văn bản số 1156/TTg-KTN ngày 14/7/2014, số 157/TTg-CN ngày 04/02/2021 và số 1766/TTg-CN ngày 21/12/2021), bao gồm: KCN Đại An (135ha) và Đại An mở rộng (433ha); KCN Nam Sách (62,42ha), KCN Phúc Điền (82,88ha) và Phúc Điền mở rộng (214,57ha); KCN Tân Trường (198,06ha) và Tân Trường mở rộng (112,6ha); KCN kỹ thuật cao An Phát (46,4ha); KCN Lai Vu (212,9ha); KCN Cộng Hoà (200ha); KCN Lai Cách (135,42ha); KCN Cẩm Điền - Lương Điền (183,96ha); KCN Phú Thái (57ha); KCN Kim Thành (164,98ha); KCN Gia Lộc (198ha); KCN An Phát 1 (180ha); KCN Lương Điền - Ngọc Liên (150ha); KCN Bình Giang (150ha); KCN Thanh Hà (150ha); KCN Hoàng Diệu (250ha); KCN Hưng Đạo (200ha), KCN Bình Giang 2 (303,27ha); KCN Thanh Hà 2 (250ha); KCN Kim Thành 2 (437,24ha).

Hiện có 11 KCN đã triển khai đầu tư xây dựng và đang vận hành, khai thác kinh doanh, với tổng diện tích quy hoạch khoảng 1.470ha (bao gồm: KCN Đại An, KCN Đại An mở rộng - giai đoạn 1, KCN Nam Sách, KCN Phúc Điền, KCN Tân Trường, KCN kỹ thuật cao An Phát, KCN Lai Vu, KCN Cộng Hoà, KCN Lai Cách, KCN Cẩm Điền - Lương Điền, KCN Phú Thái); vốn đầu tư thực hiện hạ tầng các KCN đạt 79,5%/tổng vốn đầu tư đăng ký. Các KCN được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: hệ thống hạ tầng giao thông; hệ thống thu gom nước mặt, hệ thống thu gom nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung; hệ thống cấp điện, nước, viễn thông;...

Tỷ lệ lấp đầy trung bình các KCN đang vận hành đạt gần 85%, phần diện tích còn lại có thể cho thuê tại các KCN đang hoạt động là không nhiều.

Luỹ kế đến ngày 31/12/2022, 11 KCN trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 309 dự án thứ cấp đầu tư trong KCN; trong đó, có 241 dự án FDI đến từ 19 quốc gia và vùng, lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 4,87 tỷ USD và 68 dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 11.100 tỷ đồng; suất vốn đầu tư bình quân khoảng 17 triệu USD/dự án. Năm 2022, các doanh nghiệp trong KCN đã tập trung mọi nguồn lực để phục hồi sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký sau 02 năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Luỹ kế đến hết tháng 12/2022, có 250/309 dự án thứ cấp đã triển khai đầu tư, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (đạt tỷ lệ gần 81% tổng số dự án thứ cấp trong KCN), tạo việc làm cho khoảng 109.000 lao động với mức lương trung bình từ 6,5 đến 07 triệu đồng/người/tháng; số dự án còn lại đang hoàn thiện các thủ tục để đảm bảo đủ điều kiện xây dựng nhà xưởng theo quy định.

Diện tích đất, đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy các KCN đang hoạt động

TT	Tên KCN	Chủ đầu tư	Năm thành lập	Diện tích (ha)			Tỷ lệ lấp đầy các KCN (%)	Diện tích cây xanh
				QH chi tiết xây dựng	Đất công nghiệp có thể cho thuê	Đất công nghiệp đã cho thuê		
1	Nam Sách	Công ty CPĐT và PTHT Nam	2003	62,42	48,08	48,08	100	4,961
2	Phúc Điền	Quang	2003	82,88	61,25	61,25	100	14,32
3	Tân Trường		2005	198,06	133,26	133,26	100	15,68
4	Đại An	Công ty CP Đại An	2003	135,96	102,89	98,94	96,16	13,713
5	Đại An mở rộng (GD 1)	Công ty TNHH MTV PTHT KCN Đại An	2007	189,02	129,85	101,21	78	19,13
6	Kỹ thuật cao An Phát	Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	2007	46,4	30,99	30,99	100	4,7940
7	Lai Vu	Công ty TNHH MTV KCN Lai Vu	2007	212,89	152,5	145,69	94,99	26,075 cây xanh và mặt nước
8	Lai Cách	Công ty TNHH Đại Dương	2008	135,42	60,3	20,39	33,81	11

9	Cộng Hòa	Công ty CP PTĐT và KCN cao su Việt Nam	2008	201,23	145,54	90,11	61,91	27,2
10	Cẩm Điền - Lương Điền	Công ty TNHH VSIP Hải Dương	2008	149,23	110,43	110,43	100	15,16
11	Phú Thái	Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài	2011	56,7	41,60	40,11	96,42	Phân khu phía Tây: 23,55% Phân khu phía Đông: 10,21%

Trong năm 2022, tỉnh Hải Dương đang tập trung đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng 03 KCN, 02 KCN mở rộng và giai đoạn 2 của KCN Đại An mở rộng; với tổng diện tích quy hoạch chi tiết xây dựng khoảng 1.135ha. Tính đến cuối năm 2022, có 01 KCN (KCN An Phát 1) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để triển khai thi công xây dựng hạ tầng; các dự án KCN còn lại đang tiếp tục triển khai công tác giải phóng mặt bằng.

Đơn vị: ha

TT	Tên KCN	Địa điểm cấp huyện	Diện tích QH của Chính phủ	Diện tích QH chi tiết xây dựng	Diện tích đã thực hiện GPMB
1	An Phát 1	Nam Sách	180	180	178,6
2	Đại An mở rộng	Cẩm Giàng	433	243,98	118
3	Gia Lộc	Gia Lộc	198	197,94	108
4	Tân Trường (mở rộng)	Cẩm Giàng	112,6	112,6	54,45
5	Phúc Điền mở rộng	Bình Giang	214,57	235,64	17
6	Kim Thành	Kim Thành	164,98	164,98	0
Tổng cộng (số liệu làm tròn)			1.135	780	476
<i>KCN Phúc Điền mở rộng được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu KCN tại Quyết định số 1553/QĐ-UBND, ngày 06/6/2022 (tăng diện tích quy hoạch từ 214,57ha lên thành 235,64 ha)</i>					

a2) Chất lượng môi trường không khí, đất, nước

Qua số liệu tổng hợp, báo cáo của các Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN (*Chủ đầu tư KCN*) cho thấy chất lượng môi trường không khí, đất, nước thải trong các KCN năm 2022 chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm; chất thải rắn đã được các doanh nghiệp thực hiện lưu giữ, phân loại và chuyên giao cho các đơn

vị có năng lực xử lý theo quy định. Hiện trạng môi trường theo số liệu tổng hợp, báo cáo của các Chủ đầu tư KCN cụ thể như sau:

- Môi trường không khí, tiếng ồn: Các dự án đầu tư vào các KCN phần lớn có công nghệ tiên tiến, ít ảnh hưởng đến môi trường như các ngành công nghiệp lắp ráp điện - điện tử (nhà đầu tư chủ yếu đến từ các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông – Trung Quốc, ...). Một số dự án phát sinh bụi, khí thải từ công đoạn sản xuất hơi (sử dụng nguyên liệu là than, gỗ, mùn cưa, vải vụn làm nguyên liệu đốt), phát sinh mùi (trạm xử lý nước thải, khu vực xử lý chất thải, sản xuất thức ăn chăn nuôi) đã đầu tư công trình xử lý bụi, khí thải. Theo báo cáo của các Chủ đầu tư KCN cho thấy kết quả quan trắc môi trường đối với không khí, tiếng ồn tại các dự án đang hoạt động trong KCN đảm bảo quy định (QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QĐ 3733-2002/BYT); không có dự án phát sinh khí thải, tiếng ồn vượt quy chuẩn khi thải ra môi trường.

- Môi trường đất: Hầu hết các doanh nghiệp đầu tư vào KCN đã tiến hành xây dựng nhà xưởng đảm bảo các yếu tố kỹ thuật như nền đổ bê tông, kết cấu khung thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, ... Các hoạt động sản xuất chỉ diễn ra trong các nhà xưởng, chất thải trong các doanh nghiệp được thu gom, phân loại và có kho chứa cơ bản đảm bảo yêu cầu, không phát sinh nguồn thải xả thải trực tiếp vào môi trường đất; vì vậy, quá trình sản xuất hầu như không ảnh hưởng đến môi trường đất. Theo báo cáo của các Chủ đầu tư KCN, kết quả quan trắc môi trường đối với môi trường đất trong KCN đảm bảo quy định (QCVN 03-MT:2015/BTNMT).

- Môi trường nước:

+ 11/11 KCN đang hoạt động đã cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hệ thống thu gom riêng biệt đối với nước thải và nước mưa chảy tràn; đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để đảm bảo truyền dữ liệu 24/24 giờ tới Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định; nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn theo quy định và được cấp phép xả thải vào lưu vực tiếp nhận.

+ Nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp trong KCN chủ yếu là nước thải sinh hoạt, một số dự án phát sinh nước thải sản xuất có lưu lượng lớn (công nghiệp dệt, may có công đoạn giặt; công nghiệp điện tử có công đoạn xi, mạ, ...). Các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng xử lý nước thải với Chủ đầu tư KCN. 100% doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN thực hiện đấu nối, chuyển giao nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp được xử lý sơ bộ trước khi chuyển giao vào hệ thống thu gom nước thải của hạ tầng KCN theo thỏa thuận, để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra lưu vực tiếp nhận. Có khoảng trên 100 dự án trong KCN có trạm xử lý nước thải cục bộ, công nghệ hiện đại bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A, B trước khi chuyển giao vào hệ thống thu gom

nước thải của hạ tầng KCN (như Công ty TNHH Uniden Việt Nam, Công ty TNHH điện tử Iriso Việt Nam, Công ty TNHH Meiko Towada Việt Nam, Công ty TNHH công nghiệp Brother Việt Nam, Công ty TNHH sản xuất VSM Nhật Bản, Công ty TNHH Eastech Việt Nam, Công ty TNHH điện tử Poyun, ...).

+ Đối với 03 dự án thứ cấp trong KCN được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xả thải trực tiếp ra lưu vực tiếp nhận (gồm Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam) trong KCN Cẩm Điền - Lương Điền, Công ty TNHH may Tinh Lợi và Công ty TNHH dệt Pacific Crystal trong KCN Lai Vu) đã xây dựng trạm xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A trước khi xả vào lưu vực tiếp nhận, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

b) Quy mô, tính chất của các nguồn ô nhiễm môi trường (số lượng khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; số lượng và loại hình các cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Lũy kế đến ngày 31/12/2022, 11 KCN trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 309 dự án thứ cấp đầu tư trong KCN; trong đó, có 241 dự án FDI đến từ 19 quốc gia và vùng, lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 4,87 tỷ USD và 68 dự án DDI với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 11.100 tỷ đồng. Dự án thứ cấp trong các KCN chủ yếu thuộc loại hình công nghiệp nhẹ, có công nghệ sản xuất hiện đại, tiết kiệm nguyên nhiên liệu và có mức phát thải thấp như lắp ráp linh kiện điện - điện tử, may mặc, sản xuất thức ăn chăn nuôi, gia công, lắp ráp máy móc, thiết bị phục vụ cho các ngành công nghiệp ô tô, điện thoại, ... Một số dự án có ngành nghề phát sinh nước thải, khí thải đều phải thực hiện công trình, biện pháp xử lý đảm bảo yêu cầu theo hồ sơ môi trường được phê duyệt hoặc xác nhận trước khi đưa vào hoạt động sản xuất chính thức.

c) Quy mô, tính chất của chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

Theo số liệu tổng hợp, báo cáo của các Chủ đầu tư KCN năm 2022:

- Tổng lượng nước thải phát sinh của các dự án thứ cấp trong KCN chuyển giao vào hệ thống thu gom nước thải của KCN trung bình khoảng 8.125 m³/ngày đêm; chất lượng nước thải của các dự án thứ cấp cơ bản đáp ứng điều kiện chuyển giao nước thải theo thỏa thuận với Chủ đầu tư KCN.

** Đối với 03 dự án đầu tư thứ cấp của Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam), Công ty TNHH may Tinh Lợi và Công ty TNHH Dệt Pacific Crystal: tổng lượng nước thải phát sinh trung bình khoảng 9.350m³/ngày đêm.*

- Đối với chất thải rắn phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn thông thường là 65.606 tấn và 10m³; tổng lượng chất thải nguy hại (CTNH) là 29.704 tấn; rác thải sinh hoạt là 5.974 tấn và 4.521m³.

Tổng hợp chất thải rắn trong KCN năm 2022

Đơn vị: tấn/năm

TT	KHU CÔNG NGHIỆP	Tổng lượng CTR phát sinh		
		Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (tấn/năm)	Nguy hại (tấn/năm)
1	Nam Sách	502	12.445	1.134
2	Phúc Điền	695 tấn + 486m ³	8.233 + 10m ³	1.886
3	Phú Thái	566 tấn + 288m ³	2.154	98
4	Tân Trường	596 tấn + 297m ³	4.918	4.621
5	Đại An	891	3.985	1.003
6	Đại An mở rộng	442 tấn + 2.148m ³	8.526	12.297
7	Kỹ thuật cao An Phát	185	635	49
8	Lai Vu	920 tấn + 1.022m ³	20.538	3.842
9	Lai Cách	44	715	49
10	Cộng Hòa	678	547	32
11	Cẩm Điền - Lương Điền	455 tấn + 280m ³	2.910	4.693

2. Tình hình và kết quả công tác bảo vệ môi trường

a) Tổ chức bộ máy và nguồn lực

- Số cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường làm công tác về bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý các KCN: Ban Quản lý các KCN hiện có 03 phòng chuyên môn (gồm Phòng Quản lý đầu tư, Phòng Quản lý xây dựng & môi trường, Phòng Quản lý lao động) và Văn phòng; trong đó, có 02 công chức được đào tạo chuyên ngành môi trường. Công tác quản lý môi trường KCN thuộc nhiệm vụ của Phòng Quản lý xây dựng và môi trường; phòng hiện có 05 công chức, cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Số lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ bảo vệ môi trường tại Ban Quản lý các KCN: Cán bộ, công chức được giao phụ trách công tác quản lý môi trường có trình độ thạc sỹ khoa học môi trường; thường xuyên tham gia các chương trình tập huấn do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

b) Tình hình thực hiện trách nhiệm quản bảo vệ môi trường theo quy định

- Số lượng kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường được ban hành: Ban Quản lý các KCN không được ủy quyền công tác thẩm định cấp giấy phép môi trường, công tác đăng ký môi trường, không có chức năng thanh tra, ...; do đó, trong năm 2022, sau khi nhận được các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phối hợp triển khai phát động các phong trào hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Biển và Hải đảo,... Ban Quản lý các KCN đã có các văn bản gửi Chủ đầu tư KCN, các Nhà đầu tư thứ cấp trong KCN hưởng ứng triển khai thực hiện.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoàn thành các thủ tục về môi trường: Ban Quản lý các KCN không được ủy quyền công tác thẩm định cấp giấy phép môi trường, công tác đăng ký môi trường,... đối với các dự án trong KCN. Trong năm 2022, Ban Quản lý các KCN đã nhận được giấy phép môi trường do UBND tỉnh cấp cho một số dự án đầu tư mới, mở rộng thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường; tuy nhiên, Ban Quản lý các KCN không nhận được giấy phép môi trường do UBND huyện, thành phố cấp đối với những dự án thuộc đối tượng do UBND huyện, thành phố cấp giấy phép môi trường trong KCN. Vì vậy, Ban Quản lý các KCN không nắm bắt được đầy đủ số liệu các dự án đã hoàn thành thủ tục về môi trường trước khi đi vào hoạt động.

Theo số liệu tổng hợp, báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Tổng kiểm toán nhà nước về kế hoạch kiểm toán năm 2022 đối với hoạt động quản lý môi trường tại các KCN trên địa bàn tỉnh, 100% các doanh nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải thực hiện các thủ tục về môi trường đã hoàn thành việc lập hồ sơ ban đầu theo quy định.

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được kiểm tra về bảo vệ môi trường: Trong năm 2022, Ban Quản lý các KCN thực hiện kiểm tra tình hình về đầu tư, xây dựng và môi trường đối với 01 doanh nghiệp trong KCN (Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Tomoken Việt Nam); là thành viên trong đoàn thanh tra theo quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh tra tại 04 đơn vị hạ tầng KCN và 02 doanh nghiệp trong KCN (Quyết định thanh tra số 993/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2022 và Quyết định số 1704/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường), bao gồm: Công ty TNHH MTV phát triển hạ tầng KCN Đại An (chủ đầu tư KCN Đại An mở rộng), Công ty cổ phần Đại An (chủ đầu tư KCN Đại An), Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát (chủ đầu tư KCN kỹ thuật cao An Phát), Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (chủ đầu tư KCN Phúc Điền, KCN Tân Trường), Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam), Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường xanh.

- Số lượng, tỷ lệ vụ việc khiếu kiện về bảo vệ môi trường được giải quyết: Ban Quản lý các KCN không có chức năng thanh tra. Trong năm 2022, Ban Quản lý các KCN không trực tiếp nhận được đơn thư, khiếu kiện của tổ chức hay cá nhân nào về bảo vệ môi trường KCN.

c) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quản lý chất thải rắn; kiểm soát khí thải, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu công nghiệp

c1) Tình hình thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải

Theo số liệu tổng hợp, báo cáo của Chủ đầu tư KCN, các doanh nghiệp đang hoạt động đã thực hiện đầu nối nước thải phát sinh của nhà máy vào hệ thống thu

gom nước thải chung của KCN (trừ 03 dự án được miễn trừ đầu nổi). Các doanh nghiệp đều tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải; nước mưa được thu gom và xả vào hệ thống thu gom nước mưa của KCN.

11/11 trạm xử lý nước thải tập trung của KCN đã được xây dựng theo từng giai đoạn với tổng công suất thiết kế xử lý nước thải là 26.170m³/ngày đêm. Theo số liệu tổng hợp, báo cáo của Chủ đầu tư KCN, tổng lượng nước thải của các dự án thứ cấp trong KCN chuyển giao vào hệ thống thu gom nước thải của KCN trung bình khoảng 8.125m³/ngày đêm; nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A trước khi xả vào lưu vực tiếp nhận. Như vậy, theo số liệu tổng hợp, báo cáo của Chủ đầu tư KCN, lượng nước thải phát sinh trong KCN đạt khoảng 31,05% công suất của các trạm xử lý nước thải tập trung.

Theo số liệu báo cáo, 03 doanh nghiệp được cấp phép xả thải trực tiếp ra lưu vực tiếp nhận (*Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam)*, *Công ty TNHH may Tinh Lợi*, *Công ty TNHH dệt Pacific Crystal*) đã xây dựng trạm xử lý nước thải với tổng công suất thiết kế 17.300m³/ngày đêm; tổng lượng nước thải phát sinh trung bình 9.350m³/ngày đêm, đạt khoảng 54,05% công suất thiết kế xử lý, được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT mức A trước khi xả vào lưu vực tiếp nhận.

Tổng hợp tình hình quản lý nước thải các KCN đang hoạt động

TT	Khu công nghiệp/Doanh nghiệp	Công suất thiết kế Trạm XLNT (m³/ng.đ)	Lưu lượng nước thải thực tế phát sinh (m³/ng.đ)	Công nghệ xử lý
I	Khu công nghiệp	26.170	8.125	
1	Nam Sách	3.500	1.000	Hóa lý kết hợp vi sinh
2	Phúc Điền	1.500	828	Hóa lý kết hợp vi sinh
3	Phú Thái	500	412	Vi sinh
4	Tân Trường	4.500	1.778	Hóa lý kết hợp vi sinh
5	Đại An	2.000	1.122	Hóa lý kết hợp vi sinh
6	Đại An mở rộng	2.500	1.465	Hóa lý kết hợp vi sinh
7	Kỹ thuật cao An Phát	1.720	750	Vi sinh
8	Lai Vu	2.000	260	Hóa lý kết hợp vi sinh
9	Lai Cách	1.000	60	Hóa lý kết hợp với xử lý sinh học
10	Cộng Hòa	2.000	100	Hóa lý kết hợp vi sinh

11	Cầm Điền - Lương Điền	4.950	350	Sinh học kết hợp hóa lý
II	Doanh nghiệp	17.300	9.350	
1	Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam)	10.000	4.500	Sinh học kết hợp hóa lý
2	Công ty TNHH dệt Pacific Crystal	4.500	4.000	Sinh học kết hợp hóa lý có sử dụng ozone và hệ thống trao đổi ion
3	Công ty TNHH may Tinh Lợi	2.800	850	Sinh học kết hợp hóa lý
Tổng cộng		43.470	17.475	

c2) Quản lý chất thải rắn

Các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN cơ bản quản lý chất thải theo quy định; ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển để xử lý.

c3) Đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các KCN

Trong năm 2022, trong các KCN không xảy ra sự cố môi trường; các Chủ đầu tư KCN, các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN cơ bản chấp hành công tác bảo vệ môi trường; đã xây dựng phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận trong hồ sơ báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, được UBND tỉnh phê duyệt trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường, ...

c4) Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải; quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải

Theo số liệu tổng hợp, báo cáo của Chủ đầu tư KCN, 11/11 KCN đã đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để đảm bảo truyền dữ liệu 24/24 giờ tới Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Hiện có 10 KCN và 03 doanh nghiệp đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và truyền được dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (bao gồm các KCN: Cầm Điền - Lương Điền, Phúc Điền, Tân Trường, Lai Cách, An Phát, Đại An, Đại An mở rộng, Nam Sách, Lai Vu, Phú Thái và các công ty: Công ty TNHH dệt Pacific Crytal, Công ty TNHH may Tinh Lợi, Công ty TNHH Best Pacific (Việt Nam)). Hiện có 03 doanh nghiệp đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải, bao gồm: Công ty TNHH dệt Pacific Crytal, Chi nhánh Công ty TNHH năng lượng Trí Việt, Công ty TNHH PCC Lục Xương Việt Nam.

III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị

1. Điểm a khoản 5 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định: “*Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến các cơ*

quan sau: Cơ quan cấp giấy phép môi trường (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường (đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này); Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ); Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp (đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp);”.

Điểm b khoản 5 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định: *“Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến các cơ quan theo quy định tại điểm m khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường;” (Điểm m khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường quy định Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm sau đây: Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gửi cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cơ quan cấp giấy phép môi trường và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật;”).*

Do đó, số liệu trong báo cáo của Ban Quản lý các KCN được tổng hợp từ số liệu tổng hợp, báo cáo của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (Chủ đầu tư KCN).

2. Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2022.

Nhân viên phụ trách lĩnh vực môi trường của các doanh nghiệp trong KCN chủ yếu là kiêm nhiệm, chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường chưa sâu; hành lang pháp lý chưa quy định tất cả các doanh nghiệp phải bố trí nhân viên có chuyên môn phù hợp để thực hiện quản lý môi trường của dự án. Vì vậy, công tác quản lý môi trường nói chung, chất lượng báo cáo môi trường,... còn hạn chế.

Tuy nhiên những năm gần đây, Ban Quản lý các KCN không thường xuyên được cấp kinh phí sự nghiệp môi trường hoặc được cấp vào thời điểm cuối tháng 12 hàng năm; do vậy, đã hạn chế việc triển khai công tác chuyên môn về bảo vệ môi trường KCN như giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường KCN, tập huấn nghiệp vụ bảo vệ môi trường, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chuyên môn về bảo vệ môi trường,....

Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo các sở, ngành có liên quan thực hiện việc phân bổ, cấp kinh phí môi trường cho Ban Quản lý các KCN ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thời gian để Ban Quản lý các KCN thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường KCN cũng như việc phối hợp trong công tác quản lý môi trường KCN hiệu quả.

3. Ban Quản lý các KCN không được ủy quyền công tác thẩm định cấp giấy phép môi trường, công tác đăng ký môi trường, không có chức năng thanh tra,.... Bên cạnh đó, Ban Quản lý các KCN không nhận được giấy phép môi trường do UBND huyện, thành phố cấp đối với những dự án trong KCN; do đó, không nắm bắt được đầy đủ số liệu các dự án đã hoàn thành thủ tục về môi trường trước khi đi vào hoạt động, gây khó khăn trong công tác nắm bắt thông tin để thực hiện việc quản lý, giám sát.

Đề nghị UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chức năng, UBND huyện, thành phố thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các KCN được ban hành kèm theo Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh, để nâng cao hơn nữa công tác quản lý nhà nước đối với các KCN và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nói chung và trong các KCN nói riêng.

IV. Số liệu báo cáo về môi trường

Số liệu báo cáo môi trường năm 2022 được gửi kèm báo cáo.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*để phối hợp*);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, XDMT (Luyện).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thúy Hằng